

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 30/05/2022

STT	NOMBAY	Đường bay	Đi			Về			Ghi chú
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay	Người	Hàng	
1		CTC1+RC3+P8	7:25	13+9+0	0+0+0		9+4+9	0+0+0	
2		BK5+BK8+TD5	7:25	12+9+1	0+0+0		5+4+13	0+0+0	
3		BK10+P2+BK6	7:25	0+17+4	0+0+0		0+17+4	0+0+0	Chuyen 1 BK10- P2Chuyen 1 P2-BK6
4		RC4+RP2+GTC1	9:25	2+20+0	0+0+0		0+21+1	0+0+0	
5		TD5+RP2+TD3	9:25	19+3+0	0+0		16+6	0+0	
6		P10+P1+TD5	9:25	0+5+14	0+0+0		0+0+18	0+0+0	Chuyen 2 P10- P1
7		RP3+CTK3+P2	11:25	4+1+16	0+0+0		0+1+20	0+0+0	
8		RP2+BK8+BK5	11:25	19+0+3	0+0+0		14+4+4	0+0+0	
9		RC6+P2+RC3	11:25	9+11+0	0+0+0		0+17+5	0+0+0	chuyen 3 P2- RC3
10		P6+P11+PPD	13:25	11+3+4	0+0+0		9+5+8	0+0+0	

TTBDSX

Ghi Chú : Xem lịch bay sau 17h và mở rộng dòng này để xem tất cả các thông báo.
1/đi về trong ngày Bk5-3 ng, Bk8-3 ng, RC3-3 ng



FLIGHT MANIFEST



DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 07:30
FLIGHT: 01	TO: CTC1 - RC3 - P8	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 09:10
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYEN ĐỨC HAI	CTC1	92	1	15	40	74	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYEN HUY CÔNG	CTC1	88-89	2	17		50	KH-THAC	Vietnamese
3	TRẦN CÔNG TUYẾN	CTC1	32	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN VĂN HUYỀN	CTC1	90	1	4		67	KH-THAC	Vietnamese
5	VÕ TUẤN ANH	CTC1	79	1	10		60	KH-THAC	Vietnamese
6	LÊ VĂN THOA	CTC1	97-98	2	12		72	CODIEN	Vietnamese
7	LÊ VĂN NINH	CTC1	93-94	2	20		77	CODIEN	Vietnamese
8	LÊ HUY BAC	CTC1	95-96	2	15		69	CODIEN	Vietnamese
9	VÕ QUỐC TUẤN	CTC1	66-67	2	20	18	80	XAYLAP	Vietnamese
10	NGUYỄN ANH TIẾN	CTC1	81	1	10	15	65	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN CÔNG ĐỊNH	CTC1	99	1	10	16	68	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN NAM SƠN	CTC1	91	1	11		85	GETRACO	Vietnamese
13	NGUYỄN GIÁC UNG	CTC1	68	1	6		85	GETRACO	Vietnamese
14	NGUYỄN QUANG DIỄN	RC3				40	64	D-HANH	Vietnamese
15	NOVIKOV ANDREY	RC3	34	1	3		96	D-HANH	Russian
16	NGÔ TUẤN ANH	RC3	35	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
17	BUI VĂN HUY	RC3					65	ANTOAN	Vietnamese
18	ĐỖ NG. HỒNG THANH	RC3	33	1	9		84	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN TÂN HỒNG	RC3	36	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
20	TẠ VĂN VIỆT	RC3	32	1	6		75	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN CÔNG HOANG	RC3	37	1	10		69	KH-THAC	Vietnamese
22	PHAM THE CONG	P8	74	1	5		60	PSV	

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	CTC1	13	18	156	922	89	9		
2	RC3	8	6	45	600	40	3		
3	P8	1	1	5	60	0	10		
TOTAL		22	25	206	1.582	129	22		
WEIGHT KG				206	1.582	129			

GRAND TOAL: 1.917 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	TO: BK5 - BK8 - TD5	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:35
FLIGHT: 02	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Anh - DTùng	ETA: 09:15
CAM-1			

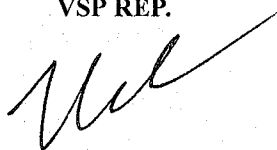
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN QUANG THẮNG	BK5					75	KH-THAC	Vietnamese
2	LAM THỊ HUƠNG	BK5					65	NIPI	Vietnamese
3	PHAN VĂN THỊNH	BK5					75	NIPI	Vietnamese
4	PHAN ANH ĐỨC	BK5	75	1	3	30	66	KH-THAC	Vietnamese
5	ĐỖ HOÀNG TRỌNG	BK5	71	1	5		88	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐOÀN VĂN TRỊNH	BK5	72	1	7	12	60	KH-THAC	Vietnamese
7	ĐÀO ĐỨC THAI	BK5	66	1	11		80	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ HUY MẠNH	BK5	73	1	12		80	KH-THAC	Vietnamese
9	LÊ BA HÒA	BK5	67	1	5	20	72	KH-THAC	Vietnamese
10	VŨ ĐÌNH ĐẠI	BK5	69-70	2	19		67	KH-THAC	Vietnamese
11	PHẠM THẾ QUANG	BK5	74	1	12		67	KH-THAC	Vietnamese
12	BELIAEV C.A	BK5	65	1	14		80	KH-THAC	Russian
13	PHẠM THANH TÙNG	BK8	95	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐÀO TRUNG KIẾN	BK8					67	KH-THAC	Vietnamese
15	KRAMARENKO V.V.	BK8					65	KH-THAC	Russian
16	PODYMОВ DMITRY	BK8	90	1	5		147	KH-THAC	Russian
17	TRẦN VĂN TÍNH	BK8	92	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
18	LÊ TÂN	BK8	93-94	2	8		80	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CÔNG LƯU	BK8	91	1	7	20	70	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN QUỐC HAI	BK8	96	1	12		70	KH-THAC	Vietnamese
21	ĐỖ VĂN HÙNG	BK8	97	1	5		67	PSV	Vietnamese
22	NGUYỄN NHƯ Ý	TD5	09-10	2	18		75	KHOAN	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK5	12	10	88	875	62	4		
2	BK8	9	8	46	703	20	4		
3	TD5	1	2	18	75	0	14		
TOTAL		22	20	152	1.653	82	22		
WEIGHT KG				152	1.653	82			

GRAND TOAL: 1.887 KGS

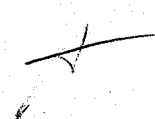
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN





FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 07:40
FLIGHT: 03	TO: BK10 - P2 - BK6	CREW: MTHẮNG - ĐỨC - thông	ETA: 09:20
VANG-1			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VÕ DUY TOÀN	P2	39	1	8	60	65	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN ĐĂNG	P2	49	1	6		68	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN THANH NAM	P2	37	1	5		62	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN QUỐC TRUNG	P2	51	1	2		72	KH-THAC	Vietnamese
5	TRẦN VĂN HÙNG	P2	47	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
6	ĐỖ HỮU NGUYỄN	P2	45	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
7	DƯƠNG XUÂN ĐIẾP	P2	53	1	4		46	KH-THAC	Vietnamese
8	LÊ NGỌC HÙNG	P2	41	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
9	HÀ VĂN NIN	P2	50	1	5		72	KH-THAC	Vietnamese
10	HỒ HUY QUYNH	P2	42	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
11	LÊ VĂN NAM	P2	52	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
12	TRẦN QUÝ TRUNG	P2	51	1	8		70	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐOÀN MINH XANH	P2	49	1	10		65	KH-THAC	Vietnamese
14	NGUYỄN CHÍ HƯƠNG	P2	48	1	5		63	KH-THAC	Vietnamese
15	HOÀNG TÂN QUÂN	P2	43	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	LÊ ANH VŨ	P2	46	1	8		65	KH-THAC	Vietnamese
17	LÊ HÙNG CUƠNG	P2	38	1	8		78	KH-THAC	Vietnamese
18	TRẦN QUANG BÌNH	BK6	37	1	10	30	70	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐỨC THIẾP	BK6	28	1	5		65	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN BẢO TOÀN	BK6	27	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
21	PHAN TRỌNG MINH	BK6	26	1	10		65	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	BK10	0	0	0	0	10	0		CHUYEN 1 KHACH TU BK10 SANG P2
2	P2	17	17	118	1.131	60	17		CHUYEN 1 KHACH TU P2 SANG BK6
3	BK6	4	4	35	270	30	4		
TOTAL		21	21	153	1.401	100	21		
WEIGHT KG				153	1.401	100			

GRAND TOAL: 1.654 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	TO: RC4 - RP2 - GTC1	AIRCRAFT: 428	ETD: 09:35
FLIGHT: 04	FROM: VT	CREW: VThắng - N.Anh - DTùng	ETA: 11:15
CAM-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN NGỌC DUY	RC4	55	1	12		65	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN HỒ QUANG	RC4	56	1	10		64	XAYLAP	Vietnamese
3	PHẠM VĂN BAN	RP2	24	1	5	80	61	KH-THAC	Vietnamese
4	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	21	1	9		96	KH-THAC	Vietnamese
5	PHAN VĂN LY	RP2	23	1	10		80	KH-THAC	Vietnamese
6	NGUYỄN KHẮC SÁNG	RP2	97	1	5		69	KH-THAC	Vietnamese
7	NGUYỄN THÀNH DUY	RP2	28	1	3		83	KH-THAC	Vietnamese
8	NGUYỄN VIỆT HÙNG	RP2	27	1	6		80	KH-THAC	Vietnamese
9	ĐINH VĂN QUÂN	RP2	82	1	9		63	KH-THAC	Vietnamese
10	PHAN QUỐC KHÁNH	RP2	26	1	2		74	KH-THAC	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HOANG	RP2	25	1	6		90	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN QUỐC VINH	RP2	51,88	2	5		72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	RP2	44	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese
14	ĐOÀN VĂN THIÊM	RP2	83	1	2		60	KH-THAC	Vietnamese
15	ĐẠO VĂN TUÂN	RP2	81	1	10		70	KH-THAC	Vietnamese
16	HỒ ĐỨC LONG	RP2	22	1	4		60	KH-THAC	Vietnamese
17	ĐẶNG XUÂN KHOA	RP2					69	KH-THAC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH DƯƠNG	RP2	29	1	6		65	KH-THAC	Vietnamese
19	NGUYỄN NGỌC TÂN	RP2	98	1	10		76	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN VĂN Y	RP2	300	1	6		70	KH-THAC	Vietnamese
21	TRẦN VĂN THANH	RP2	84	1	6		60	KH-THAC	Vietnamese
22	LUƠNG QUỐC VƯƠNG	RP2	30	1	2		75	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

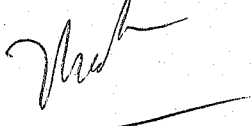
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC4	2	2	22	129	0	0		
2	RP2	20	20	108	1.448	80	21		
3	GTC1	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		22	22	130	1.577	80	22		
WEIGHT KG				130	1.577	80			

GRAND TOAL: 1.787 KGS

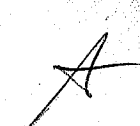
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 09:30
FLIGHT: 05	TO: TD5 - RP2 - TD3	CREW: HUNG - MTHAO - Huy	ETA: 11:10
TRANG-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN ĐÌNH HUYNH	TD5	88	1	3		80	KHOAN	Vietnamese
2	TRINH DUY THANH	TD5	94	1	5		79	KHOAN	Vietnamese
3	ĐÌNH VĂN SỰ	TD5					82	KHOAN	Vietnamese
4	LÊ VĂN HIỀN	TD5	99	1	10		80	KHOAN	Vietnamese
5	TRẦN DUY ĐỨC	TD5	91-92	2	10		80	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN DUY KHANH	TD5					80	KHOAN	Vietnamese
7	VŨ XUÂN ANH	TD5	89	1	5		63	KHOAN	Vietnamese
8	TRẦN VĂN MẠNH	TD5	95	1	7		76	KHOAN	Vietnamese
9	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	97	1	7		67	KHOAN	Vietnamese
10	VŨ NGUYỄN KHANG	TD5	90	1	5		83	KHOAN	Vietnamese
11	LƯU VĂN PHONG	TD5					72	KHOAN	Vietnamese
12	TRINH QUANG TIỀN	TD5	86-87	2	13		70	DMC-MI	Vietnamese
13	NGUYỄN ĐỨC MINH	TD5	76	1	7		64	KHOAN	Vietnamese
14	NGUYỄN HOANH VU	TD5	900	1	4		77	KHOAN	Vietnamese
15	HOANG NGỌC DANH	TD5	93	1	6		70	KHOAN	Vietnamese
16	LÊ TIỀN DŨNG	TD5	96	1	4		70	KHOAN	Vietnamese
17	LÊ HUY TIỀN HAI	TD5	98	1	10		68	KHOAN	Vietnamese
18	VŨ DUY QUYỀN	RP2	57	1	9		62	KH-THAC	Vietnamese
19	LÊ CHI CUÔNG	RP2	56	1	7		70	KH-THAC	Vietnamese
20	THAI VĂN TUÂN	RP2	55	1	8		68	KH-THAC	Vietnamese
21	HOANG VAN THANG	RP2	58-59	2	20		65	KH-THAC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	TD5	17	16	96	1.261	0	11		
2	RP2	4	5	44	265	0	6		
3	TD3	0	0	0	0	0	5		
TOTAL		21	21	140	1.526	0	22		
WEIGHT KG				140	1.526	0			

GRAND TOAL: 1.666 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 424	ETD: 09:40
FLIGHT: 06	TO: P10 - P1 - TD5	CREW: VTHU - ĐỨC - thông	ETA: 11:20
XANH-2			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	NGUYỄN NGỌC TUÂN	P1	48	1	5		57	HA VIỆT	Vietnamese
2	ĐO VĂN TOÀN	P1	50	1	8		71	HA VIỆT	Vietnamese
3	TRẦN VIỆT TUÂN	P1	53	1	5		70	HA VIỆT	Vietnamese
4	NGUYỄN TUÂN THANH	P1	49	1	8		68	HA VIỆT	Vietnamese
5	ĐẶNG MINH KHAI	TD5	08	1	4		85	KHOAN	Vietnamese
6	NGUYỄN VĂN TUÂN	TD5	06	1	4		55	KHOAN	Vietnamese
7	NGUYỄN VĂN NGÀ	TD5	31	1	3		58	KHOAN	Vietnamese
8	NGUYỄN MẠNH THU	TD5	05	1	4		75	KHOAN	Vietnamese
9	NIKITIN NIKOLAI	TD5	32-33	2	14		87	KHOAN	Russian
10	VÕ HUU TÂN	TD5	02	1	8		65	DVL	Vietnamese
11	NGUYỄN VĂN HIỀN	TD5	01	1	6		75	DVL	Vietnamese
12	TRẦN THANH CÂN	TD5	30	1	7		70	NIPI	Vietnamese
13	NGUYỄN VĂN SƠN	TD5	04	1	18		73	YTE	Vietnamese
14	TRẦN TRUNG THẮNG	TD5	03	1	4		75	PSV	Vietnamese
15	NGUYỄN TRONG MẠO	TD5	96	1	18		85	BAKER HU	Vietnamese
16	LÊ VĂN NGUYỄN	TD5	07	1	5		78	KHOAN	Vietnamese
17	TRẦN HUU VIỆT	TD5	51-52	2	15		60	DMC	Vietnamese
18	NGUYỄN THANH HÙNG	TD5	29,34,97	3	19		86	DMC	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P10	0	0	0	0	0	0	2	CHUYEN 2 PAX P10-P1
2	P1	4	4	26	266	0	0		
3	TD5	14	18	129	1.027	0	22	2	
TOTAL		18	22	155	1.293	0	22	2	
WEIGHT KG				155	1.293	0			

GRAND TOAL: 1.448 KGS

VSP REP.

VNHS REP.

CAPTAIN

Lương

[Signature]

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 427	ETD: 11:30
FLIGHT: 07	TO: RP3 - CTK3 - P2	CREW: Linh - CHIẾN - Toan	ETA: 13:10
VANG-3			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	VU MINH ĐỨC	RP3	57	1	17	86	98	KH-THAC	Vietnamese
2	ĐỖ VĂN TRƯỜNG	RP3	55-56	2	16		64	KH-THAC	Vietnamese
3	LÊ VĂN TIẾP	RP3	58-59	2	16		77	KH-THAC	Vietnamese
4	TRẦN DUY KHANH	RP3	60,66	2	17		79	KH-THAC	Vietnamese
5	TRAN XUAN PHUC	CTK3					75	SAN BAY	Vietnamese
6	NGUYỄN XUÂN THUY	P2	67	1	4	10	65	KH-THAC	Vietnamese
7	PHẠM THANH HIỀN	P2	58	1	5		83	KH-THAC	Vietnamese
8	HÀ CHIẾN THẮNG	P2	61	1	10		85	KH-THAC	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN THAI	P2	75	1	3		67	KH-THAC	Vietnamese
10	NGUYỄN TIẾN CHUÔNG	P2					68	KH-THAC	Vietnamese
11	HOANG VAN SON	P2	71	1	9		65	KH-THAC	Vietnamese
12	NGUYỄN TIẾN HIỆP	P2	57	1	7		69	KH-THAC	Vietnamese
13	ĐINH NGỌC HUNG	P2	68	1	10		65	XAYLAP	Vietnamese
14	LÊ NGỌC CUÔNG	P2	59-60	2	20		72	XAYLAP	Vietnamese
15	NGUYỄN HAI HÙNG	P2	65-66	2	20		57	XAYLAP	Vietnamese
16	VŨ VĂN HUY	P2	64	1	10		60	XAYLAP	Vietnamese
17	LÊ VĂN NIN	P2	62-63	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
18	ĐOÀN TRUNG NGHĨA	P2	77-78	2	13		62	XAYLAP	Vietnamese
19	NGUYỄN ĐÌNH TÔI	P2	73-74,76	3	20		70	XAYLAP	Vietnamese
20	NGUYỄN HỮU KHUYẾN	P2	72	1	8		58	XAYLAP	Vietnamese
21	TRẦN VIỆT HÙNG	P2	69-70	2	20		82	XAYLAP	Vietnamese

FLIGHT PLAN

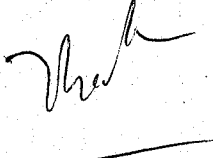
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP3	4	7	66	318	86	0		
2	CTK3	1	0	0	75	0	1		
3	P2	16	22	179	1.096	10	21		
TOTAL		21	29	245	1.489	96	22		
WEIGHT KG				245	1.489	96			

GRAND TOTAL: 1.830 KGS

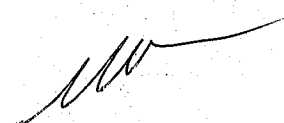
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	TO: RP2 - BK8 - BK5	AIRCRAFT: 428	ETD: 11:35
FLIGHT: 08	FROM: VT	CREW: Phong - XTrường - QTrường	ETA: 13:15
XANH-3			

No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHẠM QUANG LỢI	RP2	99	1	7	15	80	KH-THAC	Vietnamese
2	NGUYỄN VĂN TUNG	RP2	77	1	5		67	KH-THAC	Vietnamese
3	NGUYỄN HỒNG SƠN	RP2	68-69	2	17		68	CODIEN	Vietnamese
4	LƯU VĂN DÂN	RP2	64,67	2	17		62	CODIEN	Vietnamese
5	ĐỖ NGỌC TÂM	RP2	47	1	12		88	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐANG DUY DUNG	RP2	62-63	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
7	TRƯỜNG MINH THANG	RP2	61	1	15		68	XAYLAP	Vietnamese
8	PHẠM QUANG CHUNG	RP2	58,60	2	20		60	XAYLAP	Vietnamese
9	HOÀNG VĂN CUÔNG	RP2	84-85	2	19		65	XAYLAP	Vietnamese
10	PHÙNG VĂN DIỆN	RP2	11,46	2	20		70	XAYLAP	Vietnamese
11	ĐINH VĂN QUANG	RP2	81	1	10		54	XAYLAP	Vietnamese
12	ĐẠO XUÂN VIỆT	RP2	71	1	10		53	XAYLAP	Vietnamese
13	TRẦN MINH TÚ	RP2	79	1	16		63	XAYLAP	Vietnamese
14	VŨ TUẤN ANH	RP2	78	1	20	15	82	XAYLAP	Vietnamese
15	ĐẠO XUÂN THỌ	RP2	82	1	4		74	GETRACO	Vietnamese
16	VŨ VĂN TUẤN	RP2	80	1	4		65	GETRACO	Vietnamese
17	NGUYỄN HỒNG QUYẾT	RP2	83	1	8		70	GETRACO	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC THĂNG	RP2	72	1	8		64	YTE	Vietnamese
19	VŨ ĐỨC SANG	BK5	15	1	13		60	KH-THAC	Vietnamese
20	NGUYỄN AN NINH	BK5	200	1	13		75	KH-THAC	Vietnamese
21	NGUYỄN HỮU NGHIỆM	BK5	16	1	6		58	PSV	Vietnamese

FLIGHT PLAN

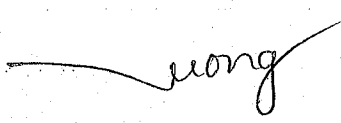
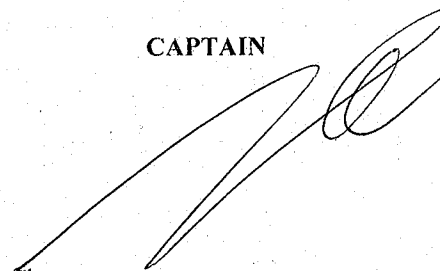
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RP2	18	24	232	1.223	30	14		
2	BK8	0	0	0	0	0	4		
3	BK5	3	3	32	193	0	4		
TOTAL		21	27	264	1.416	30	22		
WEIGHT KG				264	1.416	30			

GRAND TOAL: 1.710 KGS

VSP REP.

VNH REP.

CAPTAIN

FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 14:00
FLIGHT: 09	TO: RC6 - P2 - RC3	CREW: Phong - XTrưởng - QTrưởng	ETA: 15:45
CAM-4			

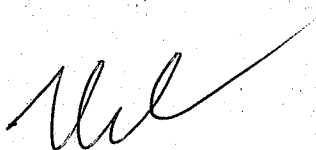
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN DOÀN ĐOÀN	RC6	19-20	2	17		60	XAYLAP	Vietnamese
2	TRẦN PHI BĂNG	RC6	23	1	9	20	64	XAYLAP	Vietnamese
3	VŨ VĂN LINH	RC6	25-26	2	20		68	XAYLAP	Vietnamese
4	ĐẶNG THANH SƠN	RC6	21	1	15		65	XAYLAP	Vietnamese
5	HOÀNG ANH SƠN	RC6	47	1	5	20	76	XAYLAP	Vietnamese
6	LÊ QUANG HÙNG	RC6	18	1	16	50	75	XAYLAP	Vietnamese
7	HOÀNG VĂN MẠNH	RC6	22	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN VĂN HAI	RC6	27	1	14		60	XAYLAP	Vietnamese
9	TRẦN HÙNG LONG	RC6	28	1	9		59	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI VĂN CHÍNH	P2	87	1	18		67	XAYLAP	Vietnamese
11	LÊ VĂN ĐỒNG	P2	83-84	2	20		59	XAYLAP	Vietnamese
12	NGUYỄN TRỌNG ĐẠI	P2	85-86	2	20		63	XAYLAP	Vietnamese
13	NGUYỄN TIẾN LONG	P2	81	1	7		54	T-TIN	Vietnamese
14	NGÔ MINH TUẤN	P2	82	1	6		64	T-TIN	Vietnamese
15	TRẦN TRỌNG PHONG	P2	94-95	2	20		70	YTE	Vietnamese
16	NGUYỄN QUANG TẤN	P2	90	1	4		57	PSV	Vietnamese
17	MAI VĂN VINH	P2	92-93	2	14		68	PSV	Vietnamese
18	NGUYỄN ĐỨC LAM	P2	89	1	7		72	KHI	Vietnamese
19	HOÀNG VĂN TRỌNG	P2	91	1	5		98	PSV	Vietnamese
20	NGUYỄN MINH ĐỒNG	P2	88	1	3		47	PSV	Vietnamese
21	LE VAN QUYEN	RC3	34	1	3		56	GRTRACO	Vietnamese

FLIGHT PLAN

No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	RC6	9	11	123	594	90	0		CHUYEN 3 PAX P2-RC3
2	P2	11	15	124	719	0	16 + 3		
3	RC3	1	1	3	56	0	6		
TOTAL		21	27	250	1.369	90	22		
WEIGHT KG				250	1.369	90			

GRAND TOAL: 1.709 KGS

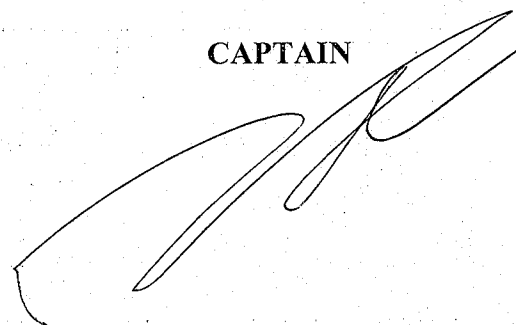
VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN



FLIGHT MANIFEST

DATE: 30/05/2022	TO: P6 - P11 - PPD	AIRCRAFT: 427	ETD: 13:30
FLIGHT: 10	FROM: VT	CREW: Linh - CHIẾN - Toan	ETA: 15:10
TRANG-4			

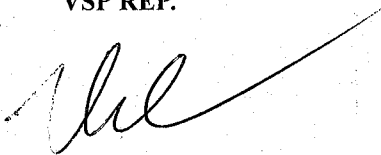
No.	PAXNAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	PHAN TUẤN ĐẠT	P6	72-73	2	12		87	XAYLAP	Vietnamese
2	NGUYỄN XUÂN NINH	P6	96-97	2	17		65	XAYLAP	Vietnamese
3	NGUYỄN QUY THUẬN	P6	74-75	2	13		55	XAYLAP	Vietnamese
4	LƯƠNG VĂN THỨC	P6	93	1	13		77	XAYLAP	Vietnamese
5	ĐẶNG TẤT HẠNH	P6	98-99	2	14	34	64	XAYLAP	Vietnamese
6	ĐINH ĐỨC THIÊN	P6	76-77	2	15		58	XAYLAP	Vietnamese
7	LÊ ĐÌNH ĐO	P6	94	1	13	20	80	XAYLAP	Vietnamese
8	NGUYỄN HUY GIANG	P6	63	1	12		66	XAYLAP	Vietnamese
9	VŨ VĂN QUYÊN	P6	79	1	8		57	XAYLAP	Vietnamese
10	BUI HỒNG SANG	P6	80	1	15	13	93	XAYLAP	Vietnamese
11	TRẦN VĂN TOÀN	P6	78	1	12		75	XAYLAP	Vietnamese
12	LÊ HỒNG CƯỜNG	P11	49	1	10	15	72	KH-THAC	Vietnamese
13	NGO HOANG NAM	P11	51	1	14	20	75	KH-THAC	Vietnamese
14	VŨ ĐÌNH QUANG	P11	53	1	17	5	75	KH-THAC	Vietnamese
15	NGUYỄN THANH TUNG	P11	52	1	13	10	75	CODIEN	Vietnamese
16	TRẦN VƯƠNG HÙNG	PPD	48	1	6		75	KHI	Vietnamese
17	NGUYỄN MINH PHÚC	PPD	47	1	7	20	64	KHI	Vietnamese
18	BUI VĂN ĐÔNG	PPD	45-46	2	12		47	KHI	Vietnamese

FLIGHT PLAN

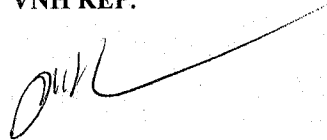
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	P6	11	16	144	777	67	9		
2	P11	4	4	54	297	50	5		
3	PPD	3	4	25	186	20	8		
TOTAL		18	24	223	1.260	137	22		
WEIGHT KG				223	1.260	137			

GRAND TOAL: 1.620 KGS

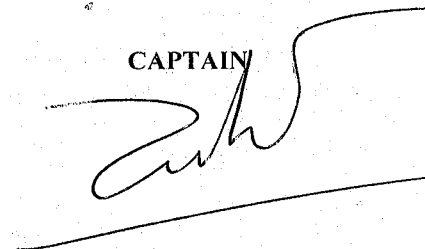
VSP REP.



VNH REP.



CAPTAIN



LD VIETSOVPETRO
TRƯỞNG BAN ĐTT

K/g: Đ/c Giám đốc Công ty bay dịch vụ miền nam

KẾ HOẠCH BAY NGÀY 31/05/2022

STT	NOMBA Y	Đường bay	Đi		Về		Ghi chú		
			Giờ bay	Người	Hàng	Giờ bay		Người	Hàng
1		PVD2+BK3+VSP02	7:25	20+0+0	0+0+0		15+2+1	0+0+0	

TTBDSX

FLIGHT MANIFEST

DATE: 31/05/2022	FROM: VT	AIRCRAFT: 428	ETD: 07:30
FLIGHT: 1	TO: PVD2 - BK3 - VSP02	CREW: ATUẤN - TTrung - Vũ	ETA: 09:20
XANH-1			

No.	PAX.NAME	OBJ	TAG	PCS	BAG	CARGO	PAX W.	COMPANY	NATION
1	TRẦN ĐỨC TÙNG	PVD2	87	1	6		86	PVDRILLI	Vietnamese
2	MAI ĐÔNG DUY	PVD2	77	1	8		63	PVDRILLI	Vietnamese
3	KHUÔNG VĂN CHỨC	PVD2	73	1	7		61	PVDRILLI	Vietnamese
4	NGHIÊM VŨ ĐẠT	PVD2	83	1	5		65	PVDRILLI	Vietnamese
5	NGUYỄN ĐÌNH CUƠNG	PVD2	82	1	5		77	PVDRILLI	Vietnamese
6	PHAN NGỌC TIẾN	PVD2	91	1	7		54	DVL	Vietnamese
7	DƯƠNG MINH VIỆT	PVD2	04-05	2	12		60	DVL	Vietnamese
8	KHUAT NGỌC THANG	PVD2	92-93	2	15	142	75	SEAMAP	Vietnamese
9	PHAM NGOC HUNG	PVD2	94	1	7		72	SEAMAP	Vietnamese
10	NGUYỄN HUY HOÀNG	PVD2	86	1	6		70	PVDRILLI	Vietnamese
11	LÊ MẠNH HIẾN	PVD2	81	1	9		79	PVDRILLI	Vietnamese
12	NGUYỄN VĂN LINH	PVD2	79-80	2	10		70	PVDRILLI	Vietnamese
13	ĐẶNG VĂN THỨC	PVD2	75	1	7		67	PVDRILLI	Vietnamese
14	TÔ TRINH ĐỨC	PVD2	84	1	10		76	PVDRILLI	Vietnamese
15	TRẦN MẠNH HAI	PVD2	88-89	2	15		69	PVDRILLI	Vietnamese
16	NGUYỄN XUÂN THUY	PVD2	78	1	7		58	PVDRILLI	Vietnamese
17	NGUYỄN VĂN ANH	PVD2	74	1	6		80	PVDRILLI	Vietnamese
18	LÊ ĐÌNH HUNG	PVD2	76	1	7		56	PVDRILLI	Vietnamese
19	TRẦN THAI AN	PVD2	90	1	10	70	62	DVL	Vietnamese
20	LEONID PLAKHOTNYUK	PVD2	85	1	7		89	VTB	Russian

FLIGHT PLAN

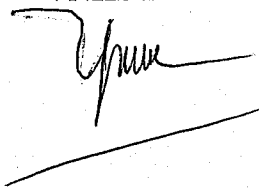
No.	DESTINATION	DEPARTURE					ARRIVAL		REMARK
		PAX	PCS	BAG.	PAXW	CARGO	PAX	CARGO	
1	PVD2	20	24	166	1.389	212	15		
2	BK3	0	0	0	0	0	2		
3	VSP02	0	0	0	0	0	1		
TOTAL		20	24	166	1.389	212	18		
WEIGHT KG				166	1.389	212			

GRAND TOAL: 1.767 KGS

VSP REP.



VNHS REP.



CAPTAIN